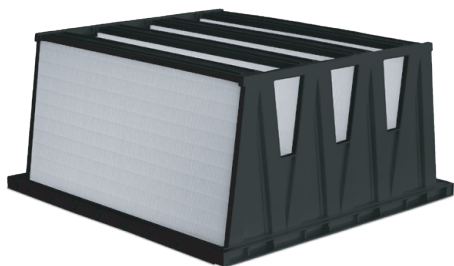


AF4V-292-PG



Model: AF4V-F7-592x592x292-PG-18

AF4V: AirFil, Lọc khối cứng 4V Rigid Bank

F7: Cấp lọc theo EN 779:2012

592x592x292: Kích thước WxLxD mm

PG: Khung nhựa - vật liệu lọc sợi thủy tinh siêu mịn

18: Diện tích vật liệu lọc m²

Mã MGT: MF06P4S25AR18XX-5-292

ỨNG DỤNG

- Dùng cho hệ thống lọc khí hiệu suất cao.
- Các lọc có kích thước nhỏ gọn, lưu lượng cao.
- Cấu trúc cứng cáp mang lại khả năng lọc tuyệt vời.
- Thiết kế dạng V giúp tăng diện tích bề mặt, lưu lượng gió cao và chênh áp ban đầu thấp.
- Tuổi thọ sử dụng dài.

Bộ lọc khối V cứng

Khung: Nhựa

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Kiểu khối: 4V Rigid Bank

Màu sắc: Đen

Bề dày khung: 25mm

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Chênh áp cuối:

- EN 779:2012: 450 Pa.
- ISO 16890: 300 Pa.

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc ISO 16890	Cấp lọc EN 779:2012	Diện tích vật liệu lọc m ²	Lưu lượng m ³ /h	Chênh áp ban đầu Pa.	Trọng lượng kg
AF4V-M6-287x592x292-PG-9	240051M	MF06P4S25AR09XX	287x592x292	ePM10>60%	M6	9.00	1650	70	4.50
AF4V-M6-490x592x292-PG-15	240052M	MF06P4S25AR15XX	490x592x292	ePM10>60%	M6	15.00	2700	70	6.00
AF4V-M6-592x592x292-PG-18	240053M	MF06P4S25AR18XX	592x592x292	ePM10>60%	M6	18.00	3400	70	7.00
AF4V-F7-287x592x292-PG-9	240061M	MF07P4S25AR09XX	287x592x292	ePM1>50%	F7	9.00	1650	80	4.50
AF4V-F7-490x592x292-PG-15	240062M	MF07P4S25AR15XX	490x592x292	ePM1>50%	F7	15.00	2700	80	6.00
AF4V-F7-592x592x292-PG-18	240063M	MF07P4S25AR18XX	592x592x292	ePM1>50%	F7	18.00	3400	80	7.00
AF4V-F8-287x592x292-PG-9	240071M	MF08P4S25AR09XX	287x592x292	ePM1>65%	F8	9.00	1650	90	4.50
AF4V-F8-490x592x292-PG-15	240072M	MF08P4S25AR15XX	490x592x292	ePM1>65%	F8	15.00	2700	90	6.00
AF4V-F8-592x592x292-PG-18	240073M	MF08P4S25AR18XX	592x592x292	ePM1>65%	F8	18.00	3400	90	7.00
AF4V-F9-287x592x292-PG-9	240081M	MF09P4S25AR09XX	287x592x292	ePM1>80%	F9	9.00	1650	110	4.50
AF4V-F9-490x592x292-PG-15	240082M	MF09P4S25AR15XX	490x592x292	ePM1>80%	F9	15.00	2700	110	6.00
AF4V-F9-592x592x292-PG-18	240083M	MF09P4S25AR18XX	592x592x292	ePM1>80%	F9	18.00	3400	110	7.00
AF4V-M6-287x592x292-PG-7	240084M	MF06P4S25AR07XX	287x592x292	ePM10>60%	M6	7.00	1650	70	4.00
AF4V-M6-490x592x292-PG-12	240085M	MF06P4S25AR12XX	490x592x292	ePM10>60%	M6	12.00	2700	70	6.00
AF4V-M6-592x592x292-PG-15	240086M	MF06P4S25AR15XX	592x592x292	ePM10>60%	M6	15.00	3400	70	7.00
AF4V-F7-287x592x292-PG-7	240087M	MF07P4S25AR07XX	287x592x292	ePM1>50%	F7	7.00	1650	80	4.00
AF4V-F7-490x592x292-PG-12	240088M	MF07P4S25AR12XX	490x592x292	ePM1>50%	F7	12.00	2700	80	6.00
AF4V-F7-592x592x292-PG-15	240089M	MF07P4S25AR15XX	592x592x292	ePM1>50%	F7	15.00	3400	80	7.00
AF4V-F8-287x592x292-PG-7	240090M	MF08P4S25AR07XX	287x592x292	ePM1>65%	F8	7.00	1650	90	4.00
AF4V-F8-490x592x292-PG-12	240091M	MF08P4S25AR12XX	490x592x292	ePM1>675%	F8	12.00	2700	90	6.00
AF4V-F8-592x592x292-PG-15	240092M	MF08P4S25AR15XX	592x592x292	ePM1>65%	F8	15.00	3400	90	7.00
AF4V-F9-287x592x292-PG-7	240093M	MF09P4S25AR07XX	287x592x292	ePM1>80%	F9	7.00	1650	110	4.00
AF4V-F9-490x592x292-PG-12	240094M	MF09P4S25AR12XX	490x592x292	ePM1>80%	F9	12.00	2700	110	6.00
AF4V-F9-592x592x292-PG-15	240095M	MF09P4S25AR15XX	592x592x292	ePM1>80%	F9	15.00	3400	110	7.00

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Màu sắc: Trắng, Đen.

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh chịu nhiệt cao (Tối đa 120°C).

Bề dày khung HF: 25mm, 20mm, Kết hợp 25 & 20mm.

Loại gioăng: Không có gioăng, Polyurethane, Cao su, EPDM.

Vị trí gioăng: Không có, Mặt gió ra, Mặt gió vào, Cả hai mặt.

Chứng nhận vệ sinh: Lọc Rigid V Bank | VDI 6022 Blatt 1:2018, VDI 3803 Blatt 1:2020, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc Rigid V Bank | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245 U.S. FDA CFR 21 Part 175-189 & FDA CPG 7117.05, 06, 07

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT